**PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI – THÁNG 10 – MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI (1) – NGUYỄN KIM YẾN – LÂM THỊ BÍCH TUYỀN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỤC TIÊU**  **GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG**  **GIÁO DỤC** | **NỘI DUNG**  **GIÁO DỤC** | **HÌNH THỨC TỔ CHỨC** | | | | | | | |
| **Đón trẻ** | **Thể dục sáng** | **Hoạt động học** | **Hoạt động vui chơi** | **Vệ sinh ăn ngủ** | **Hoạt động chiều** | **Trả trẻ** | **Chủ đề** |
| **01.** Trẻ có ý thức về bản thân, nói được khả năng của bản thân. | - Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. **(Chỉ số 29)** **( Tuần 1, 3, 5)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tổ chức trò chơi để trẻ nói được khả năng của bản thân. |  |  |  |  |  | X |  | **BẢN THÂN – MỪNG NGÀY PHỤ NỮ VIỆT NAM 20/10 .** |
| **02.** Trẻ có ý thức về bản thân, nói sở thích riêng của bản thân. | - Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. **(Chỉ số 29)** **(Tuần 2, 4)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tổ chức trò chơi để trẻ nói được sở thích riêng của bản thân. |  |  |  |  |  | X |  |
| **03.** Trẻ có ý thức về bản thân, nói được điểm giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). | - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. **(Tuần 2, 4)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tổ chức trò chơi để trẻ nói được điểm giống và khác nhau của mình với người khác. |  |  |  |  |  | X |  |
| **04.** Trẻ có ý thức về bản thân, chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. | - Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. **(Chỉ số 59) (Tuần 1, 3, 5)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại giúp trẻ chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. |  |  |  |  |  | X |  |
| **05.** Trẻ có khả năng nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. | - Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. **(Chỉ số 35) (Tuần 2, 4)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tạo tình huống giúp trẻ nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. |  |  |  |  |  | X |  |
| **06.** Trẻ có khả năng nhận biết được trạng thái cảm xúc, nhận biết mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. | - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. **(Tuần 2, 4)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tạo tình huống để trẻ biết mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. |  |  |  |  |  | X |  |
| **07.** Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. | - Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. **(Chỉ số 54) (Tuần 1, 2, 3, 4, 5)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tạo tình huống, bài tập giúp trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. | X |  |  |  |  | X |  |
| **08.** Trẻ biết thực hiện một số quy định ở gia đình | - Một số quy định ở gia đình **(Tuần 1, 3, 5)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, tạo tình huống giúp trẻ biết một số quy định ở gia đình. |  |  |  |  |  | X |  |
| **09.** Trẻ biết lễ hội 20/10. | - Quan tâm đến lễ hội của quê hương, đất nước. **(Tuần 3)** | - Cô trò chuyện, đàm thoại, xem clip, tổ chức các hoạt động để giúp trẻ biết quan tâm đến lễ hội 20/10 | X |  |  |  |  | X |  |  |